

**TÒA NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-3-2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đắc Liệt

2. Ông Vũ Xuân Miện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên – Thư ký Tòa nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên .

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 953/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-HPT ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Minh T, sinh năm 1989.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: đường BB, Phường MM, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà L vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Minh T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Chúc L qua thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân. Ngày 25-11-2011, ông và bà L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường MM, thành phố V.

Quá trình chung sống: vợ chồng chung sống hạnh phúc đến hết năm 2014. Từ năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Ông và bà L đã sống L thân nhau từ năm 2015

đến nay, bà L đã ra ngoài ở riêng, con chung của ông và bà L ở với ông từ thời điểm đó đến nay. Giữa ông và bà L không còn quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Ông xác định cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Chúc L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Minh Trúc T, sinh ngày 24-01-2010. Vì cháu T đang sinh sống ổn định với ông và do ông trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi ông và bà L sống ly thân với nhau đến nay nên khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Chúc L:

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định pháp luật. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Phạm Minh T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Chúc L có địa chỉ cư trú tại thành phố V. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo quy định tại Khoản 1, Điều 28; điểm a, Khoản 1, Điều 35; điểm a, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Chúc L được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai các văn bản tố tụng của Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; ông T nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông bà L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà L có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, ông T xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Ông và bà L đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân, chính quyền địa phương cho biết: Vợ chồng ông T và bà L thời gian đầu không có vấn đề gì xảy ra nhưng từ năm 2015 thì vợ chồng nhiều lần xảy ra to tiếng, cãi vã với nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà L đến Tòa án làm việc để tạo điều kiện cho ông T và bà L giải quyết mâu thuẫn về đoàn tụ gia đình nhưng bà L vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Điều đó cũng thể hiện bà L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong suốt quá trình tố tụng, ông T vẫn cương quyết xin ly hôn với bà L do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên khả năng vợ chồng đoàn tụ là rất khó khăn. Hơn nữa, vợ chồng ông T và bà L đã sống ly thân nhau nhiều năm nay. Nên xác định mâu thuẫn vợ chồng ông T và bà L là có thật, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông T là có cơ sở.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Minh T.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Minh Trúc T, sinh ngày 24-01-2010. Ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Đồng thời, cháu T có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn, cháu muốn được tiếp tục sống với ông T nên giao cháu T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông T phải nộp án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Điều 28; điểm a, Khoản 1, Điều 35; điểm a, Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh T.

1. Về hôn nhân: Ông Phạm Minh T ly hôn với bà Nguyễn Thị Chúc L.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Minh Trúc T, sinh ngày 24-01-2010. Giao cháu T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Bà L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở bà L thực hiện quyền này.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm: Ông T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 300.000đ ông T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008199 ngày 27-10-2020 của chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V. Ông T đã nộp xong.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố V;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- THADS thành phố V;
- UBND P. MM, tp. V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

LÊ THỊ THANH

Hội đồng xét xử sơ thẩm

Hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán
chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Hải

Đặng Song Hoàn

Lê Thị Thanh

Hội thẩm nhân dân

Hội đồng xét xử sơ thẩm
Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

